

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 77/2022/HS-PT

Ngày: 01-12-2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Hồng

Các Thẩm phán: Ông Thái Văn Chấn

Ông Phạm Tấn Tài

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Bảo Hằng - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh An Giang

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà Phạm Huỳnh Ngọc Thi - Kiểm sát viên

Trong ngày 01 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh An Giang, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 190/2022/HSPT ngày 07 tháng 10 năm 2022 đối với bị cáo Nguyễn Thị L. do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 25/2022/HS-ST ngày 16 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện C.:

Bị cáo có kháng cáo:

Nguyễn Thị L., sinh năm 1988 tại tỉnh An Giang; Nơi cư trú: ấp H., xã B., huyện C., tỉnh An Giang; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ văn hóa (học vấn): Không biết chữ; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Đạo Phật; con ông Nguyễn Văn Nh., sinh năm 1964 và bà Võ Thị M1., sinh năm 1972; chồng là Nguyễn Văn Th., sinh năm 1987 và có 02 người con, lớn sinh năm 2012, nhỏ sinh năm 2014;

Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 13/5/2022 đến nay và có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa cho bị cáo: Ông Nguyễn Đức K. là Luật sư Văn phòng luật sư Nguyễn Đức K. thuộc Đoàn Luật sư tỉnh An Giang (có mặt).

(Trong vụ án, người bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không có kháng cáo và Viện kiểm sát không bị kháng nghị)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Thị L. sống cùng gia đình chồng tại ấp H., xã B., huyện C., tỉnh An Giang. Do biết được nơi mẹ chồng là bà Nguyễn Thị M. cất vàng nên ngày 17/01/2022 L. lén lút lấy chìa khóa bà M. cất trong ngăn tủ thứ hai để mở hộc tủ bên phải ngăn thứ nhất (loại tủ nhựa có 05 ngăn kéo, ngăn thứ nhất có hai hộc tủ có khóa dùng để đựng quần áo và tư trang của bà M.) lấy trộm tiền Việt Nam 4.000.000 đồng và túi xách nữ màu xanh (không xác định được chủng loại, nhãn hiệu), bên trong có 20 chỉ vàng gồm: 02 chiếc nhẫn trơn, loại vàng 24 kara 9999, mỗi chiếc có trọng lượng 05 chỉ; 02 chiếc nhẫn trơn, loại vàng 24 kara 9999, mỗi chiếc có trọng lượng 02 chỉ; 01 chiếc nhẫn bông, loại vàng 23 kara, trọng lượng 02 chỉ; 01 sợi dây chuyền, kiểu dây mè, loại vàng 23 kara, trọng lượng 03 chỉ; 01 mặt dây chuyền, kiểu bông, loại vàng 23 kara, trọng lượng 01 chỉ, giữa mặt dây chuyền có đính hột bằng đá màu trắng. Cùng ngày, L. mang 01 chiếc nhẫn trơn, loại vàng 24kara 9999, trọng lượng 05 chỉ và 01 nhẫn trơn, loại vàng 24kara 9999, trọng lượng 02 chỉ đến tiệm cầm đồ “Minh Hiếu” tại ấp H., xã B., huyện C., tỉnh An Giang cầm được số tiền 30.000.000 đồng. Số vàng còn lại L. cất giấu trong tủ (loại tủ nhựa có 05 ngăn kéo) dùng để đựng quần áo và tư trang của L..

Đến ngày 19/01/2022 sợ bà M. phát hiện vàng bị mất sẽ nghi ngờ nên L. giả vờ phát hiện tủ nhựa của bà M. bị mở và báo cho bà M. biết để kiểm tra tài sản. Sau khi bà M. kiểm tra, biết bị mất số tài sản nêu trên nên ông Nguyễn Văn Th. (con ruột bà M.) trình báo công an xã B..

Quá trình điều tra L. khai nhận: vào khoảng tháng 07/2021 L. lấy chìa khóa mở tủ như trên của bà M. lấy trộm 01 chiếc nhẫn trơn, loại vàng 24kara, trọng lượng 05 chỉ. Sau đó L. đem đến tiệm vàng “Kim Mai” thuộc khóm H.L. IV, thị trấn A., huyện C., tỉnh An Giang bán được số tiền 25.000.000 đồng và tiêu xài hết.

Ngày 13/5/2022 L. bị khởi tố điều tra

* Căn cứ kết luận định giá số 33/KL.HĐ ngày 29/4/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện C., tỉnh An Giang. Kết luận:

- 01 (một) chiếc nhẫn trơn, loại vàng 24 kara 9999, trọng lượng 05 chỉ, giá trị là $05 \text{ chỉ} \times 5.325.000 \text{ đồng} \times 100\% = 26.625.000 \text{ đồng}$.

- 01 (một) chiếc nhẫn trơn, loại vàng 24 kara 9999, trọng lượng 05 chỉ, giá trị là $05 \text{ chỉ} \times 5.325.000 \text{ đồng} \times 100\% = 26.625.000 \text{ đồng}$.

- 01 (một) chiếc nhẫn trơn, loại vàng 24 kara 9999, trọng lượng 02 chỉ, giá trị là $02 \text{ chỉ} \times 5.325.000 \text{ đồng} \times 100\% = 10.650.000 \text{ đồng}$.

- 01 (một) sợi dây chuyền, kiểu dây mè, loại vàng 23 kara, trọng lượng 03 chỉ, giá trị là $03 \text{ chỉ} \times 5.200.000 \text{ đồng} \times 100\% = 15.600.000 \text{ đồng}$.

- 01 (một) mặt dây chuyền, kiểu bông, loại vàng 23 kara, trọng lượng 01 chỉ, giữa mặt dây chuyền có đính hột đá màu trắng, giá trị là $01 \text{ chỉ} \times 5.200.000 \text{ đồng} \times 100\% = 5.200.000 \text{ đồng}$.

- 01 (một) chiếc nhẫn bông, loại vàng 23 kara, trọng lượng 02 chỉ, giá trị là $02 \text{ chỉ} \times 5.200.000 \text{ đồng} \times 100\% = 10.400.000 \text{ đồng}$.

- 01 (một) chiếc nhẫn trơn, loại vàng 24 kara 9999, trọng lượng 05 chỉ, giá trị là $05 \text{ chỉ} \times 5.325.000 \text{ đồng} \times 100\% = 26.625.000 \text{ đồng}$.

- 01 (một) chiếc nhẫn trơn, loại vàng 24 kara 9999, trọng lượng 02 chỉ, giá trị là $02 \text{ chỉ} \times 5.325.000 \text{ đồng} \times 100\% = 10.650.000 \text{ đồng}$.

Tổng giá trị tài sản định giá là: 132.375.000 đồng

* Căn cứ kết luận định giá số 60/KL.HĐ ngày 14/6/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện C., tỉnh An Giang. Kết luận: 01 túi xách nữ màu xanh, không xác định được nhãn hiệu, kích thước (15x30)cm, đã qua sử dụng, có giá trị là $100.000 \text{ đồng} \times 40\% = 40.000 \text{ đồng}$. Tổng giá trị tài sản định giá là: 40.000 đồng.

Tại Cáo trạng số 19/CT-VKSCT-HS ngày 14 tháng 7 năm 2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện C., tỉnh An Giang đã truy tố bị cáo Nguyễn Thị L. về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 25/2022/HS-ST ngày 16 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện C. đã quyết định: Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173; Điều 38; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự; Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị L. 02 (hai) năm tù về tội “*Trộm cắp tài sản*”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 22/8/2022 bị cáo Nguyễn Thị L. làm đơn kháng cáo xin được hưởng án treo và tạo điều kiện cho bị cáo được cải tạo tốt để trở thành người có ích cho xã hội.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, bị cáo Nguyễn Thị L. vẫn giữ yêu cầu kháng cáo, xin giảm nhẹ hình phạt, được hưởng án treo và tạo điều kiện cho bị cáo được cải tạo tốt để trở thành người có ích cho xã hội. Bị cáo trình bày: Hoàn cảnh gia đình khó khăn, còn 02 con nhỏ và đứa con thứ hai bị ốm đau bệnh tật nên cần chăm sóc thuốc men thường xuyên, bị cáo là nhân dân lao động nghèo, bản thân là phụ nữ, đã bồi thường xong. Bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo.

Kiểm sát viên thực hiện quyền công tố nhà nước tại phiên tòa phát biểu quan điểm về vụ án và đề xuất với Hội đồng xét xử:

- Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo: Bị cáo Nguyễn Thị L. kháng cáo trong hạn luật định nên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận việc kháng cáo để xem xét, giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

- Về hành vi phạm tội của bị cáo: Án sơ thẩm đánh giá đúng tính chất vụ án, xét xử bị cáo Nguyễn Thị L. về tội “*Trộm cắp tài sản*” và tuyên phạt mức án 02 năm tù là tương xứng với tính chất, mức độ và hành vi phạm tội của bị cáo.

Tuy nhiên, tại giai đoạn điều tra bị cáo L. khai nhận ngoài thực hiện hành vi trộm vàng của bà M. vào ngày 17/01/2022, thì khoảng tháng 7/2021 bị cáo còn lấy trộm 01 chiếc nhẫn vàng 24kara trọng lượng 05 chỉ của bà M., việc bị cáo khai nhận lần phạm tội này được xem là tự thú nhưng cấp sơ thẩm không áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm r khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự là thiết sót. Ngoài ra, tại giai đoạn phúc thẩm, bị cáo L. kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, được hưởng án treo và xuất trình bị cáo có ông nội – ông Nguyễn Văn Nhiều là liệt sĩ; bị cáo có 02 con nhỏ bị bệnh cần được sự chăm sóc của bị cáo, tài sản chiếm đoạt đã được bồi thường xong và bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 1 Điều 355, điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thị L., có thể xử phạt bị cáo từ 09 tháng đến 01 năm tù cũng đảm bảo răn đe và phòng ngừa.

Ông Nguyễn Đức Ký là người bào chữa cho bị cáo có ý kiến trình bày: Không có ý kiến đối với phần tội danh. Đối với phần kháng cáo về hình phạt của bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử có xem xét hành vi phạm tội của bị cáo xảy ra trong nội bộ gia đình, bị cáo đã khắc phục toàn bộ thiệt hại, được người bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt, bị cáo cũng đã tự thú ra hành vi lấy trộm 01 chiếc nhẫn vàng trước đó. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử có xem xét đến hoàn cảnh khó khăn của gia đình bị cáo, còn phải chăm sóc 02 con nhỏ ngoài ra gia đình của bị cáo cũng có công với cách mạng, có ông nội là liệt sĩ để cho bị cáo được giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị cáo Nguyễn Thị L. kháng cáo trong hạn luật định nên được Hội đồng xét xử chấp nhận để xét xử phúc thẩm.

[2] Về nội dung:

Lời khai nhận tội của bị cáo Nguyễn Thị L. tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay hoàn toàn phù hợp với lời khai của bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng trong giai đoạn điều tra cũng như tại phiên tòa sơ thẩm đồng thời cũng phù hợp với Kết luận định giá số 33/KL.HĐ ngày 29/4/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện C. và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Có đầy đủ căn cứ xác định: Biết được nơi mẹ chồng là bà Nguyễn Thị M. cất vàng, ngày 17/01/2022 Nguyễn Thị L. đã lén lút lấy chìa khóa mở tủ lấy trộm 4.000.000 đồng tiền Việt Nam và 20 chỉ vàng. Ngoài ra, khoảng tháng 07/2021 bị cáo cũng đã lén lút lấy trộm của bà M. 01 chiếc nhẫn trơn, loại vàng 24kara, trọng lượng 05 chỉ. Theo kết luận định giá tổng số tài sản mà bị cáo chiếm đoạt có giá trị là 136.415.000 đồng. Do đó, cấp sơ thẩm xét xử bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

Còn đối với:

- Bà Đỗ Thị Minh Hiếu nhận cầm 01 chiếc nhẫn trơn vàng 24kara 9999, trọng lượng 05 chỉ và 01 nhẫn trơn vàng 24kara 9999, trọng lượng 02 chỉ của L. nhưng không biết đây là tài sản do L. phạm tội mà có nên không truy cứu trách nhiệm hình sự đối với bà Hiếu là có căn cứ.

- Bà Nguyễn Thị Mỹ Linh không xác định được L. có mang 01 chiếc nhẫn trơn vàng 24kara 9999, trọng lượng 05 chỉ đến tiệm bán cho bà Linh hay không; trường hợp nghi ngờ là tài sản do phạm tội mà có thì bà Linh cũng từ chối mua. Do đó, không truy cứu trách nhiệm hình sự đối với bà Linh là có cơ sở.

[3] Xét kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thị L.:

Bị cáo đứng trước tòa là người đã trưởng thành, có đầy đủ nhận thức để phân biệt đúng, sai, việc nào nên làm và không nên làm. Bản thân là phụ nữ lẽ ra bị cáo phải cố gắng lao động để nuôi sống bản thân và gia đình, nuôi dạy con cái, trở thành một người vợ, một người mẹ mẫu mực, một công dân tốt, có ích cho xã hội. Thế nhưng không làm được điều đó, bị cáo đã cố ý thực hiện hành vi phạm tội. Lợi dụng sự tin tưởng trong gia đình, thiếu quản lý tài sản của người bị hại để lấy trộm tài sản. Hành vi của bị cáo đã gây mất an ninh, trật tự tại địa phương, ảnh hưởng xấu trong dư luận xã hội. Cấp sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất vụ án, áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo như: thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải đồng thời bị cáo đã tự nguyện khắc phục hậu quả. Bị cáo thuộc thành phần nhân dân lao động nghèo, trình độ học vấn thấp, nhận thức pháp luật còn hạn chế, bị hại có đơn bãi nại cho bị cáo để tuyên phạt bị cáo 02 năm tù là có căn cứ, đúng quy định pháp luật. Tuy nhiên, trong quá trình điều tra, bị cáo đã khai nhận hành vi lấy trộm 01 chiếc nhẫn vàng 24kara trọng lượng 05 chỉ của bà M. vào khoảng tháng 7/2021; việc bị cáo khai nhận lần phạm tội này được xem là tự thú nhưng cấp sơ thẩm lại không xem xét, áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự “*Người phạm tội tự thú*” được quy định tại điểm r khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự cho bị cáo là có thiếu sót.

Trong giai đoạn xét xử phúc thẩm, bị cáo đã cung cấp đơn có xác nhận của chính quyền địa phương xác nhận gia đình bị cáo là gia đình chính sách, có công với cách mạng, có ông nội – ông Nguyễn Văn N. là liệt sĩ đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước; bị cáo có 02 con nhỏ bị bệnh cần được sự chăm sóc của bị cáo, tài sản chiếm đoạt đã được bồi thường xong và bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Hội đồng xét xử xét thấy,

Đối với kháng cáo yêu cầu được hưởng án treo, bị cáo phạm tội thuộc trường hợp nghiêm trọng và phạm tội nhiều lần, căn cứ Nghị quyết 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 và Nghị quyết 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15/4/2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 Bộ luật hình sự về án treo thì bị cáo không đủ điều kiện để xem xét cho hưởng án treo.

Còn đối với kháng cáo yêu cầu giảm nhẹ hình phạt, trong vụ án này, bị cáo đã 02 lần thực hiện hành vi phạm tội, tài sản bị cáo lấy trộm trị giá 132.375.000 đồng. Theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự:

“... 2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm:

a)

b)

c) Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng”

Như vậy, mặc dù cấp sơ thẩm không áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm r khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự cho bị cáo nhưng mức hình phạt mà cấp sơ thẩm đã tuyên đối với bị cáo chỉ mới khởi điểm của khung hình phạt, là không cao, phù hợp, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội, là cần thiết để răn đe, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

Do vậy, Hội đồng xét xử quyết định không chấp nhận yêu cầu kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, được hưởng án treo của bị cáo cũng như lời trình bày của người bào chữa cho bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[4] Do kháng cáo không được chấp nhận nên bị cáo Nguyễn Thị L. phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định.

[5] Các phần quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thị L.. Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173; điểm b, r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 54; Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017:

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thị L. 02 (hai) năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị cáo bị bắt đi thi hành án.

Bị cáo Nguyễn Thị L. phải chịu 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự phúc thẩm.

Các phần quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân cấp cao;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang;
- Tòa án nhân dân huyện C.;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện C.;
- Cơ quan Cảnh sát điều tra huyện C.;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.;
- Sở Tư pháp tỉnh;
- Trại tạm giam – Công an tỉnh;
- Phòng lưu trữ hồ sơ - Công an tỉnh;
- Phòng Kiểm tra nghiệp vụ và thi hành án;
- Văn phòng;
- Bị cáo;
- Đại diện hợp pháp bị hại;
- Lưu Tòa Hình sự; hồ sơ.

Nguyễn Thị Thúy Hồng